

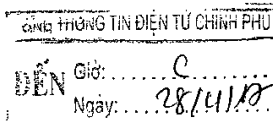
T.T.Đ.T

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2017



NGHỊ ĐỊNH

Về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về cho vay lại từ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để:

a) Thực hiện dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

b) Sử dụng làm phần đóng góp của địa phương trong các dự án hợp tác công tư.

2. Việc sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật đầu tư công theo cơ chế ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương, vay vốn khẩn cấp đối phó với thiên tai, thảm họa không thuộc phạm vi Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm theo dõi, quản lý cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay lại

1. Việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi tuân thủ quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Vốn vay lại phải được trả nợ đầy đủ, đúng hạn từ nguồn ngân sách địa phương hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ chế tài chính, tỷ lệ cho vay lại, hiệu quả dự án, khả năng trả nợ phải được tính toán và xác định khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi.

4. Việc cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với khả năng tài chính của ngân sách địa phương.

Điều 4. Điều kiện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay lại từ nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi

1. Có dự án được cấp có thẩm quyền cho phép huy động vốn vay để thực hiện đầu tư phát triển kinh tế - xã hội hoặc dự án có phần vốn góp của ngân sách địa phương theo phương thức hợp tác công tư, thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật đầu tư công.

2. Dự án được bố trí vốn đối ứng để thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.

3. Tổng mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án không vượt quá hạn mức dư nợ của ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

4. Không có nợ vay lại của Chính phủ quá hạn trên 180 ngày.

5. Nghĩa vụ trả nợ hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khoản vay lại vốn ODA, vay ưu đãi không vượt quá 10% nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp tại thời điểm xem xét khoản vay lại.

Điều 5. Tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi

1. Tỷ lệ cho vay lại nguồn vốn vay ODA cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất là như sau:

a) Địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 70% trở lên áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 10% vốn vay ODA.

b) Địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 50% đến dưới 70% áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 20% vốn vay ODA.

c) Địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 50% áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ODA.

d) Địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 50% vốn vay ODA.

đ) Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vay lại 80% vốn vay ODA.

2. Tỷ lệ cho vay lại vốn vay ưu đãi cho các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất là như sau:

a) Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 70% trở lên, thuộc danh mục các địa phương có huyện nằm trong danh sách theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ, áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 30% vốn vay ưu đãi.

b) Địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương ngoài các địa phương quy định tại điểm a khoản này áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 70% vốn vay ưu đãi.

c) Địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương áp dụng tỷ lệ cho vay lại là 100% vốn vay ưu đãi.

3. Tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi sử dụng làm phần đóng góp của địa phương trong các dự án hợp tác công tư (PPP) là 70%.

4. Tỷ lệ cho vay lại quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này áp dụng đối với các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo lãi suất trong hạn, phí thu xếp vốn, phí quản lý theo quy định tại thỏa thuận vay ký với bên nước ngoài.

Đối với các nghĩa vụ trả nợ bao gồm phí cam kết, lãi phạt chậm trả, phí trả nợ trước hạn và các chi phí khác phát sinh tính trên toàn bộ số vốn vay ODA, vay ưu đãi được tiếp nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để trả.

5. Trước ngày 01 tháng 01 năm đầu tiên của thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương được Quốc hội quyết định cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để áp dụng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Đối với giai đoạn 2017 - 2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất trước ngày hiệu lực của Nghị định này.

Điều 6. Điều khoản tài chính cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đồng tiền cho vay lại là ngoại tệ gốc quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài. Đồng tiền thu hồi nợ là đồng tiền cho vay lại. Trường hợp trả bằng đồng Việt Nam áp dụng tỷ giá bán ra đồng ngoại tệ cho vay lại tại thời điểm trả nợ của ngân hàng phục vụ hoặc của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam trong trường hợp không có tỷ giá tương ứng của ngân hàng phục vụ để thu hồi nợ.

2. Lãi suất cho vay lại, các loại phí bằng mức quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài.

Lãi phạt chậm trả theo mức cao hơn của một trong hai mức sau: bằng 150% lãi suất cho vay lại hoặc bằng mức lãi suất chậm trả quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài.

3. Thời hạn cho vay lại và ân hạn bằng thời hạn và ân hạn quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài. Thời điểm nhận nợ là thời điểm bên cho vay nước ngoài ghi nợ cho Việt Nam.

4. Không yêu cầu bảo đảm tiền vay, không thu phí cho vay lại.

Chương II

THẨM ĐỊNH KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Cơ quan thẩm định

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương.

2. Kết quả thẩm định là cơ sở thực hiện thủ tục đàm phán khoản vay ODA, vay ưu đãi với nhà tài trợ. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đủ khả năng trả nợ, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định về việc huy động khoản vay nước ngoài.

Điều 8. Quy trình thẩm định

1. Khi đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư dự án từ nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính hồ sơ nêu tại Điều 9 Nghị định này để thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương.

Đối với chương trình, dự án do một cơ quan trung ương đề xuất có từ hai tỉnh trở lên tham gia, các địa phương tham gia có trách nhiệm gửi cơ quan đề xuất chương trình, dự án bộ hồ sơ nêu tại Điều 9 Nghị định này để tập hợp gửi Bộ Tài chính.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương theo điều kiện được vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định này, đồng thời góp ý kiến với đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Bộ Tài chính thông báo kết quả thẩm định cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án và cho vay lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ý kiến của Bộ Tài chính đồng gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi cho dự án theo cơ chế cho vay lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

4. Trường hợp mức vốn vay lại từ nguồn vay ODA, vay ưu đãi vượt so với mức vốn vay lại đã được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc có thay đổi về việc đáp ứng điều kiện được vay lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ để Bộ Tài chính thẩm định lại, nhưng không muộn hơn 30 ngày trước thời điểm đàm phán khoản vay với bên nước ngoài.

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính thẩm định lại hồ sơ.

a) Trường hợp sau thẩm định lại xác định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đủ điều kiện được vay lại, đối với khoản vay nước ngoài nhân danh Nhà nước phải được trình Chính phủ để báo cáo Chủ tịch nước xin chủ trương và ủy quyền đàm phán, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ hoặc gửi ý kiến cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với khoản vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề xuất đàm phán) để tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo về chủ trương đàm phán. Ý kiến của Bộ Tài chính đồng gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trường hợp sau thẩm định lại xác định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đủ điều kiện được vay lại, đối với khoản vay nước ngoài nhân danh Chính phủ do Bộ Tài chính chủ trì đàm phán, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ